

Bản án số: 03/2020/DS-ST  
Ngày: 31/8/2020  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Hà Ngân
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Phạm Thị Thơm
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại hội trường xét xử B Tòa án nhân dân huyện Cư Jút tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2020/TLST-DS, ngày 06/01/2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐST-DS, ngày 07/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐST-DS ngày 06/8/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Đ  
Trụ sở: Số x Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Danh Đ – Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Ban Mê

Ông Nguyễn Danh Đ uỷ quyền lại cho bà Tạ Thị Thu L; Chức vụ: Trưởng phòng KHCN Ngân hàng Đ – Chi nhánh Ban Mê.

Địa chỉ: Số X đường Y, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- *Bị đơn:*

- 1) Bà Lương Thị Th
- 2) Ông Lưu Văn T

Cùng địa chỉ: Thôn 16, xã Nam D, huyện C, tỉnh Đắk Nông

Bà Th có mặt tại phiên tòa, ông T vắng mặt có lí do, hiện đang chấp hành án tại trại giam D - Bộ Công an.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Tạ Thị Thu L trình bày:* Ngày 23 tháng 3 năm 2018, ông Lưu Văn T và bà Lương Thị Th có thoả thuận ký hợp đồng tín dụng vay

vốn với Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Ban Mê, hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD, với số tiền vay 600.000.000đ, mục đích sử dụng tiền vay là trồng tiêu, chăn nuôi và đầu tư sản xuất nông nghiệp khác, thời hạn vay 11 tháng tính từ ngày 23/3/2018 đến ngày 23/2/2019, lãi suất áp dụng cố định 10,5%/năm, thời hạn trả lãi 03 tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, lãi suất quá hạn 150%/năm lãi suất trong hạn. Ngày 31/10/2018, ông T, bà Th tiếp tục ký hợp đồng tín dụng vay vốn với Ngân hàng Đ-chi nhánh Ban Mê số 02/HĐTD, với số tiền vay: 60.000.000đ, mục đích sử dụng tiền vay là chăn nuôi bò thịt, thời hạn vay 11 tháng từ ngày 31/10/2018 đến ngày 30/9/2019, lãi suất áp dụng cố định 10,5%/năm, lãi suất quá hạn 150%/năm lãi suất trong hạn, thời hạn trả lãi 03 tháng 1 lần vào ngày 15 hàng tháng. Toàn bộ các khoản tiền vay, phía Ngân hàng Đ đã giải ngân cho ông T, bà Th đầy đủ.

Các khoản vay trên được đảm bảo bởi các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (HĐTCQSĐĐ) số 01/HĐBĐ ngày 29/6/2016, và HĐTCQSĐĐ số 02/HĐBĐ ngày 21/09/2016; HĐTCQSĐĐ số 01/HĐBĐ ngày 20/04//2017; HĐTCQSĐĐ số 02/HĐBĐ ngày 30/10/2017; Văn bản sửa đổi, bổ sung HĐTCQSĐĐ số 01/SĐBS ngày 20/04/2017; Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTCQSĐĐ số 02/SĐBS ngày 20/04/2017, được ký kết giữa bên thế chấp là ông T, bà Th với Ngân hàng Đ

Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40, diện tích 3.252m<sup>2</sup>, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSĐĐ) số CA 979xxx;

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 40, diện tích 4.790m<sup>2</sup>, theo Giấy CNQSĐĐ số AG 211xxx;

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 40, diện tích 2.458m<sup>2</sup>, theo Giấy CNQSĐĐ số AĐ 037xxx

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 40, diện tích: 1.575m<sup>2</sup>, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất (GCNQSĐĐ,QSHN) số CA 979xxx

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 177, tờ bản đồ số 40, diện tích 2.598m<sup>2</sup>, theo Giấy GCNQSĐĐ,QSHN số CD xxx

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 181, tờ bản đồ số 40, diện tích: 1.594m<sup>2</sup>, theo Giấy GCNQSĐĐ,QSHN số CE xxx

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù Ngân hàng Đ yêu cầu nhiều lần, nhưng ông T, bà Th vẫn không chịu trả nợ. Do vậy phía nguyên đơn khởi kiện buộc ông T, bà Th phải trả hết nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ, tính đến ngày 09/10/2019 là:

+ Nợ gốc: 660.000.000đ

+ Lãi trong hạn: 54.128.219đ

+ Lãi quá hạn: 19.581.781đ

Tổng cộng: 733.710.000đ (bảy trăm ba mươi ba triệu bảy trăm mười nghìn đồng)

Ngoài ra còn ông T, bà Th phải trả toàn bộ lãi và phí phát sinh theo các HĐTD 01/HĐTD ngày 23/3/2018, và HĐTD 02/HĐTD ngày 31/10/2018, cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng Đ.

Trường hợp ông T, bà Th không trả được nợ, Ngân hàng Đ sẽ yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp thông qua Chi cục thi hành án dân sự huyện C, các tài sản theo các HĐTCQSDĐ số 01/HĐBĐ ngày 29/6/2016 và HĐTCQSDĐ số: 02/HĐBĐ ngày 21/09/2016; HĐTCQSDĐ số 01/HĐBĐ ngày 20/04//2017; HĐTCQSDĐ số 02/HĐBĐ ngày 30/10/2017; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp HĐTCQSDĐ số 01/SĐBS ngày 20/04/2017; Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTCQSDĐ số 02/SĐBS ngày 20/04/2017 đã được ký kết giữa ông T, bà Th với Ngân hàng Đ.

- Theo bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn bà Lương Thị Th trình bày: Vào năm 2018, do cần vốn để trồng tiêu và chăn nuôi, nên vợ chồng bà đã thoả thuận vay tại Ngân hàng Đ chi nhánh Ban Mê hai lần vào các ngày 23/3/2018 và ngày 31/10/2018, nội dung vay nợ đúng như phía nguyên đơn đã khởi kiện. Quá trình sử dụng vốn vay, do hồ tiêu xuống giá và dịch bệnh, nên vợ chồng bà lâm vào hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chỉ trả được một phần lãi, chưa trả được toàn bộ số tiền gốc.

Trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ, bà chấp nhận trả toàn bộ các khoản nợ còn lại như phía nguyên đơn đã yêu cầu và chấp nhận yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp nếu không trả được nợ, tuy nhiên về thời hạn trả nợ, bà yêu cầu được giãn nợ chậm nhất là ngày 20 tháng 12 năm 2020.

Quá trình giải quyết, Toà án đã có công văn đề nghị trại giam D tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T, ông T đã nhận các văn bản tố tụng của Toà án huyện C, nhưng không nêu ý kiến.

Tại phiên tòa, Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn là bà Th và ông T trả toàn bộ gốc và lãi tính đến ngày xét xử, cụ thể là:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 23/3/2018
    - + Nợ gốc: 600.000.000đ
    - + Lãi trong hạn: 107.531.507đ
    - + Lãi quá hạn: 47.724.658đ
  - Đối với hợp đồng tín dụng số 02/2018/8716956/HĐTD ngày 31/10/2018
    - + Nợ gốc: 60.000.000đ
    - + Lãi trong hạn: 8.681.918đ
    - + Lãi quá hạn: 2.899.726đ
- Tổng cộng cả hai hợp đồng: **826.837.809đ** .

Phía Ngân hàng Đ chấp nhận gia hạn nghĩa vụ trả nợ cho bà Th, ông T chậm nhất là ngày 20/12/2020. Nếu đến hạn trả nợ, ông T, bà Th không trả được nợ, Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản thế chấp thông qua Chi cục Thi hành án huyện Cư Jút để thu hồi toàn bộ tiền nợ.

Bị đơn là bà Th chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đưa ra tại phiên tòa.

Ông T vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn là bà Th đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, Bị đơn là ông T vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Th, ông T phải trả toàn bộ số tiền còn nợ gốc và tiền lãi theo mức yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1]. Về tố tụng:*

Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Lưu Văn T và bà Lương Thị Th có địa chỉ tại thôn 16, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn ông Lưu Văn T:* Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã có công văn đề nghị trại giam D tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T, ông T đã nhận các văn bản tố tụng của Toà án huyện Cư Jút, nhưng không nêu ý kiến. Vì vậy việc Toà án xét xử vắng mặt ông T là đúng theo điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

*[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 23/3/2018, và hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ngày 31/10/2018, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/HĐBĐ ngày 29/6/2016 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/HĐBĐ ngày 21/09/2016; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/HĐBĐ ngày 20/04/2017; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/HĐBĐ ngày 30/10/2017; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/SĐBS ngày 20/04/2017; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/SĐBS ngày 20/04/2017, được ký kết giữa bên thế chấp là ông T và bà Th với Ngân hàng Đ – Chi nhánh Ban Mê. Và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, xác định được, vào các ngày 23/3/2018 và ngày 31/10/2018, ông T, bà Th đã ký kết với Ngân hàng Đ chi nhánh Ban Mê các hợp đồng tín dụng số 01, và số 02 đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn là bà Th đã thừa nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn là đúng, nên các hợp đồng trên là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, theo bảng kê chi tiết

do Nguyên đơn cung cấp thì quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà Th chỉ thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ, ông T, bà Th vi phạm hợp đồng số 01/HĐTD từ ngày 25/02/2019, vi phạm hợp đồng số 02/HĐTD từ ngày 15/7/2019, hiện nay các khoản nợ trên đã chuyển qua nợ quá hạn, Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp cũng như tạo điều kiện để ông T, bà Th trả nợ, nhưng ông bà vẫn không trả nợ. Như vậy, ông T, bà Th đã vi phạm các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên về thời gian thanh toán nợ gốc và lãi.

Tại phiên tòa, bà Th đã chấp nhận trả toàn bộ nợ gốc và lãi như phía Nguyên đơn yêu cầu, nhưng đề nghị được giãn nợ chậm nhất đến ngày 20/12/2020, phía Ngân hàng Đ đồng ý giãn nợ cho bị đơn. HĐXX thấy thỏa thuận trên của các đương sự là hợp pháp, cần chấp nhận, cụ thể như sau:

Tính đến ngày xét xử, ông T, bà Th phải trả nợ cho Ngân hàng Đ tổng số tiền:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 23/3/2018:

+ Nợ gốc 600.000.000đ

+ Lãi trong hạn: 107.531.507đ

+ Lãi quá hạn: 47.724.658đ

- Đối với hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ngày 31/10/2018:

+ Nợ gốc 60.000.000đ

+ Lãi trong hạn: 8.681.918đ

+ Lãi quá hạn: 2.899.726đ

Tổng cộng: **826.837.809đ** (tám trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm linh chín đồng).

Ngoài ra ông T và bà Th còn phải trả toàn bộ lãi và phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã được kí kết giữa các bên.

Thời hạn trả nợ: Chậm nhất vào ngày 20/12/2020.

[4]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Đề bảo đảm cho các khoản vay, giữa ông T, bà Th với Ngân hàng Đ đã ký kết các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/HĐBĐ ngày 29/6/2016 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/HĐBĐ ngày 21/09/2016; số 01/HĐBĐ ngày 20/04/2017; số 02/HĐBĐ ngày 30/10/2017; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/SĐBS ngày 20/04/2017; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/SĐBS ngày 20/04/2017. Các hợp đồng trên đã tuân thủ đúng pháp luật về giao dịch bảo đảm, được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 11/6/2020 xác định, toàn bộ tài sản bảo đảm là đúng như các hợp đồng thế chấp đã thể hiện. Vì các hợp đồng thế chấp là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Nguyên đơn cần được chấp nhận.

[5]. Về chi phí tố tụng: Ông T, bà Th phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.800.000đ, số tiền trên và Th và ông T phải trả Nguyên đơn do phía nguyên đã nộp tiền tạm ứng chi phí tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 36.805.000đ. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 470 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ

1. Buộc ông Lưu Văn T và bà Lương Thị Th phải trả cho Ngân hàng Đ tính đến ngày xét xử là ngày 31/8/2020, với tổng số tiền **826.837.809đ** theo hai hợp đồng đã ký kết, cụ thể:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 23/3/2018:
  - + Nợ gốc 600.000.000đ
  - + Lãi trong hạn: 107.531.507đ
  - + Lãi quá hạn: 47.724.658đ
- Đối với hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ngày 31/10/2018:
  - + Nợ gốc 60.000.000đ
  - + Lãi trong hạn: 8.681.918đ
  - + Lãi quá hạn: 2.899.726đ

Ngoài ra còn buộc ông Lưu Văn T và bà Lương Thị Th còn phải trả toàn bộ lãi và phí phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 31/10/2018, và Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ngày 31/10/2018, cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Lưu Văn T và bà Lương Thị Th không trả được nợ, nguyên đơn được quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp thông qua Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút để thu hồi nợ, gồm các tài sản sau:

2.1. Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40, diện tích 3.252m<sup>2</sup>, theo GCNQSDĐ số CA 979xxx;

2. 2. Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 40, diện tích 4.790m<sup>2</sup>, theo Giấy CNQSDĐ số AG 211xxx;

2. 3. Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 40, diện tích 2.458m<sup>2</sup>, theo Giấy CNQSDĐ số AĐ 037xxx;

2. 4. Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 40, diện tích: 1.575m<sup>2</sup>, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất (GCNQSDĐ, QSHN) số CA 979xxx;

2. 5. Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 177, tờ bản đồ số 40, diện tích 2.598m<sup>2</sup>, theo Giấy GCNQSDĐ, QSHN số CD 942xxx

2. 6. Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 181, tờ bản đồ số 40, diện tích: 1.594m<sup>2</sup>, theo Giấy GCNQSDĐ, QSHN số CE 346xxx

Các tài sản trên được thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HĐBĐ ngày 29/6/2016 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/HĐBĐ ngày 21/09/2016; số 01/HĐBĐ ngày 20/04/2017; số 02/HĐBĐ ngày 30/10/2017; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/SĐBS ngày 20/04/2017; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/SĐBS ngày 20/04/2017 đã được ký kết giữa ông Lưu Văn T và bà Lương Thị Th với Ngân hàng Đ – Chi nhánh Ban Mê.

(toàn bộ tài sản thế chấp đã được xác định theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11 tháng 6 năm 2020)

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lưu Văn T và bà Lương Thị Th phải trả cho Ngân hàng Đ là 3.800.000đ (ba triệu tám trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, do Ngân hàng Đ đã nộp tạm ứng tại Tòa án.

4. Về án phí: Buộc ông Lưu Văn T và bà Lương Thị Th phải nộp 36.805.000đ (ba mươi sáu triệu tám trăm linh năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng Đ số tiền 16.670.000đ (mười sáu triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000xxx ngày 03/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện Cư Jút;
- UBND huyện C;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa  
(đã ký)

**Dương Hà Ngân**

